TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

DƯƠNG - QUÂN - TÙNG

洪武禁書

HỒNG-VŨ CẤM-THƯ

Sách dạy thuật Phong-thủy có phụ họa-đồ

QUYỂN HẠ

Bản dịch NGUYỄN - VĂN - MINH

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU ★ BỘ GIÁO-DỤC ★ 1968

TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

DƯƠNG - QUÂN - TÙNG

洪武禁書

HỒNG-VŨ CẤM-THƯ

Sách dạy thuật Phong-thủy có phụ họa-đồ

QUYỀN HẠ

Dịch-giả :
NGUYỄN - VĂN - MINH

BỘ GIÁO - DỤC
TRUNG - TÂM HỌC - LIỆU XUẤT - BẢN

BỘ GIÁO-DỤC GIỮ BẢN-QUYỀN
TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU
In lần thứ nhất, 1968

Hội-đồng duyệt sách Hồng-Vũ Cầm-Thư gồm có :

Ô. Ô. BỬU-CẦM . . . . . . *Thuyết-trình-viên*
TRẦN-TUẤN-KHẢI . . . . *Hội-viên*
LÊ PHỤC-THIỆN . . . . . *Hội-viên*

洪武禁書

HỒNG-VŨ CẤM-THƯ

Dạy về thuật Phong-thủy có phụ họa-đồ

QUYỂN HẠ

Lập minh để truyền thụ cho học trò gồm có bốn mục :

1) Truyền thụ luận
2) Định minh thệ
3) Nghi thức lập minh
4) Tựa truyền phái

Truyền phái tiết lậu thiên cơ.
Kiền là tượng trưng chức ngự sử.
Cấn là tượng trưng chức trạng nguyên.
Khôn là tượng trưng chức tể tướng.
Tốn là tượng trưng chức an phủ.
Thân là tượng trưng chức thái thú.
Hợi là tượng trưng chức quan huyện.
Dần là tượng trưng người thứ dân.
Tỵ là tượng trưng chức vị tướng quân.
Nói về thế bút sơn có năm thế:

1) Thế phát khôi giáp
2) Thế phát văn chương
3) Thế phát thư sinh
4) Thế phát áp mục
5) Thế phát thái họa (hội họa)

Truyền phái tiết lậu cơ trời.

Ông Dương Quân Tùng tên chữ là Trường Mậu, tên hiệu là Cứu Bần. Ông Tăng Văn Địch tên hiệu là *Chân Tiên Nhân* ; khi Tăng Công còn nhỏ, có biệt danh là Liêu Vũ, tu ở núi Kim Tinh dồn hết tinh hoa phát huy huyền bí tiết lậu cơ trời tức là bộ Địa-lý (thuật Phong-thủy) chính tông này, do ông Dương Quân Tùng phát minh truyền đến ông Tăng Văn Địch tên hiệu là *Liêu Vũ*. Chính những người theo học phải hiểu thế đất thế nào ? Phải biết nhận ra những hình thế miệng truyền mắt thấy, thế kia thế khác v.v... nên có câu rằng :

題 曰

良 田 竟 作 子 孫 累
珠 玉 終 爲 妻 子 災
一 卷 經 傳 賢 肖 者
取 之 不 竭 用 無 涯

PHIÊN ÂM

Đề viết

Lương điền cánh tác tử tôn lụy,
Châu ngọc chung vi thê tử tai,
Nhất quyển kinh truyền hiền tiếu giả.
Thủ chi bất kiệt dụng vô nhai.

GIẢI NGHĨA

Ruộng nương chỉ để con mang lụy,
Châu ngọc hay gì vợ mắc tai.
Một quyển kinh này khôn giữ được,
Lấy dùng không hết cứ còn hoài.

Lại có câu kinh rằng :

經云

共音共向共来龍
百姓居之總一同
前面一般是貪狼
一家富貴一家窮

PHIÊN ÂM

Kinh vân

Cộng âm cộng hưởng cộng lai long,
Bách tính cư chi tổng nhất đồng.
Tiền diện nhất ban thị tham lang,
Nhất gia phú quí nhất gia cùng.

GIẢI NGHĨA

Cũng âm cũng hưởng cũng rồng chầu,
Trăm họ cùng nhau ở đã lâu,
Trước mắt tham lang ngay ở đó,
Người giầu kẻ khó bởi vì đâu ?

THẦN KINH DỊ PHÁP

Nghĩa là những phép mầu nhiệm của thần kinh,
Đây hãy xét là kinh có hai mươi bốn vị.
Tý là chính vị Bắc phương mà nhâm quí là phụ đó,
Ngọ là chính vị Nam phương mà bính đinh là phụ đó,
Mão là chính vị Đông phương mà giáp ất là phụ đó,
Dậu là chính vị Tây phương mà canh tân là phụ đó,
Tý ngọ mão dậu vua Văn-Vương cho là hậu thiên,

Khảm ly chấn đoài là bốn phương là địa vị rất chính của nó vậy.

Kiền khôn cấn tốn là bốn góc cạnh (tứ duy),

Đứng đầu tóm hết lại để dùng tám can với mười hai chi.

Tức là phương đông thì dần giáp ất mão thìn nhưng mà mão thì là ở chính trung.

Nam phương thì tỵ ngọ bính đinh mùi nhưng mà ngọ thì là ở chính trung.

Tây phương thì thân canh dậu tân tuất nhưng mà dậu thì là ở chính trung.

Bắc phương thì hợi nhâm tý quí sửu nhưng mà tý thì là ở chính trung.

Như thế đó thì thật là cái lẽ rất trung rất chính vậy. Trời đất là cái ngôi chí cực muôn đời chẳng dễ mà có thể thay đổi được.

Về sau người ta mới nghĩ mà đã chế ra cái kim nam châm nội để mà xem và so sánh với ánh mặt trời.

Ở phía nam thì trông lên sao Bắc Đẩu.

Ở phía Bắc cực thì xem sao Xu-tinh.

Người ta dùng cái tính tự nhiên của kim ấy để đem so sánh thì nó thiên về hướng phương bính. Bởi vì chẳng phải vì nam bắc mà nó thiên đầu, thực cũng chẳng qua là vì cái kim nồi đó nó sợ chính hỏa mà ra như thế vậy.

Cho nên người ta mới lắp cái kim nam châm ấy vào trong la bàn dùng để làm phương châm để mà xem sự chuẩn đích cũng như các phương hướng chính, địa vị chính của trời đất vậy, như thế thì những khả năng của cái kim ấy cũng có thể làm cho người ta biết được chỗ nào là địa vị nào, phương hướng nào của trời đất vậy.

LUẬN HUYỆT PHÁP

Quyển thứ hai mươi sáu

Theo phép xem hướng để mà nhận định ra long huyệt. Hai mươi bốn thứ long huyệt, mỗi thứ huyệt tốt và địa vị của nó.

Nhâm long thì có ba thứ huyệt :

1— Tý sơn hướng ngọ
2— Cấn sơn hướng khôn
3— Tân sơn hướng ất

Tý long thì có một huyệt.

Cấn sơn hướng khôn.

Quí long thì có hai thứ huyệt :

1— Cấn sơn hướng khôn.
2— Tý sơn hướng ngọ.

Sửu long thì có một huyệt

Nhâm sơn hướng bính

Cấn long thì có tám thứ huyệt :

1— Quí sơn hướng đinh
2— Nhâm sơn hướng bính
3— Giáp sơn hướng canh
4— Ất sơn hướng tân
5— Mão sơn hướng dậu
6— Kiền sơn hướng tốn
7— Hợi sơn hướng tỵ
8— Sửu sơn hướng mùi

Dần long có hai thứ huyệt :

1— Cấn sơn hướng khôn
2— Dần sơn hướng thân

Giáp long có hai thứ huyệt :

1— Cấn sơn hướng khôn
2— Tốn sơn hướng kiền

Mão long có bốn thứ huyệt :

1— Giáp sơn hướng canh
2— Ất sơn hướng tân
3— Quí sơn hướng đinh
4— Tỵ sơn hướng hợi

Ất long có một huyệt

— Cấn sơn hướng khôn

Thìn long có hai thứ huyệt :

1— Tốn sơn hướng kiền
2— Cấn sơn hướng khôn

Tốn long có ba thứ huyệt :

1— Ất sơn hướng tân
2— Tỵ sơn hướng hợi
3— Khôn sơn hướng cấn

Tỵ long có một huyệt :

— Tỵ sơn hướng hợi

Bính long có bốn thứ huyệt

1— Tỵ sơn hướng hợi
2— Giáp sơn hướng canh
3— Ất sơn hướng tân
4— Khôn sơn hướng cấn

Ngọ long có hai thứ huyệt :

1— Bính sơn hướng nhâm
2— Đinh sơn hướng quí

Đinh long có hai thứ huyệt :

1— Khôn sơn hướng cấn
2— Tỵ sơn hướng hợi

Mùi long có một thứ huyệt :

— Khôn sơn hướng cấn

Khôn long có một thứ huyệt :

— Đinh sơn hướng quí

Thân long có hai thứ huyệt :

1— Đinh sơn hướng quí
2— Canh sơn hướng giáp

Canh long có hai thứ huyệt :

1— Dậu sơn hướng mão
2— Khôn sơn hướng cấn

Dậu long có ba thứ huyệt :

1— Khôn sơn hướng cấn
2— Kiền sơn hướng tốn
3— Hợi sơn hướng tỵ

Tân long có ba thứ huyệt :

1— Kiền sơn hướng tốn
2— Dậu sơn hướng mão
3— Khôn sơn hướng cấn

Tuất long có một thứ huyệt ;

— Tân sơn hướng ất

Kiền long có một thứ huyệt :

— Tân sơn hướng ất

Hợi long có ba thứ huyệt :

1— Nhâm sơn hướng bính
2— Kiền sơn hướng tốn
3— Qui sơn hướng đinh

Nhâm long huyệt ấy có ba thứ hướng, hướng thứ nhất là tọa tý hướng ngọ.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa tý hướng ngọ, nên đun nhích sang bên tả, gia thêm hợi phương nửa phần, để lấy phương bính tý mà nhâm là chính trung. Đến chỗ khí đến ấy để đi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

Khí theo tai hữu ngấm dần,
Mười can trái chín một phần thiên nhâm,
Nhích sang tả hợi phúc âm,
Long mạch tinh thần phú quí vinh hoa.

PHÂN KIM

Kiêm nhâm bính nên dùng canh ngọ canh tý (thuộc thổ)

Kiêm quí đinh nên dùng bính ngọ bính tý (thuộc thủy)

Hướng thứ hai tọa cấn hướng khôn.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa cấn hướng khôn, nên đun nhích sang bên tả gia hợi phương nửa phần để lấy mạch đi suốt sang lưng bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lai nói rằng :

第 二 坐 艮 向 坤

Đệ nhị tọa cấn hướng khôn

壬 龍 超 超 穴 天 市
天 輔 氣 奔 叩 右 腧
穴 微 侵 左 半 分 亥
富 貴 聲 名 嚮 閭 里

PHIÊN ÂM

Nhâm long điều điều (siêu) huyệt thiên thị (cấn)
Thiên phụ (nhâm) khí bôn khấu hữu du
Huyệt vi xâm tả bán phần hợi,
Phú quí thanh danh hưởng lư lý.

GIẢI NGHĨA

Nhâm long thiên thị xa sao,
Cấn nhâm thiên phụ khí vào hữu du.
Nửa phần bên tả hợi bù,
Giầu sang danh giá di du dân lâng.

PHÂN KIM

Kiêm sửu mùi nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ) kiêm dần thân nên dùng bính dần bính thân (thuộc hỏa).

Hướng thứ ba là tọa tân hướng ất.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bèn tả huyệt ấy thì là tọa tân hướng ất, nên đụn nhích sang bên hữu gia sang tý phương nửa phần để lấy nhân mạch khí suốt sang lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第 三 坐 辛 向 乙
Đệ tam tọa tân hướng ất

天 壬 輔 穴 向 天 星
氣 從 左 腧 通 玄 靈
穴 宜 挨 右 加 陽 光 (子)
主 客 富 人 則 英 明

PHIÊN ÂM

Thiên nhâm phụ huyệt hướng thiên tinh,
Khí tòng tả du thông huyền linh,
Huyệt nghi ai hữu gia dương quang (tý)
Chủ khách phú nhân tắc anh minh.

GIẢI NGHĨA

Thiên nhâm phụ huyệt thiên tinh,
Khí theo bên tả mạch sinh diệu huyền.
Huyệt đun bên hữu quí quyền,
Anh minh chủ khách giầu tiền người hay.

PHÂN KIM

Kiêm mão dậu nên dùng tân mão tân dậu (thuộc mộc)

Kiến thìn tuất thì nên dùng bính thìn bính tuất (thuộc thổ)

Tý long huyệt ấy có một hướng.

Hướng thứ nhất là tọa cấn hướng khôn.

Tý long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa cấn hướng khôn nên đun sang bên hữu gia một chút nhâm phương một phần để khiến chính cái khí phương tý suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ lại nói rằng :

子 龍 一 向
Tý long nhất hướng

第 一 坐 艮 向 坤
Đệ nhất tọa cấn hướng khôn

陽 光 穴 在 天 市 垣
氣 從 右 耳 乃 爲 玄
穴 宜 挨 左 加 天 輔
孕 生 子 (六 畜) 指 多 田 園

PHIÊN ÂM

Dương (tý) quang huyệt tại thiên (cấn) thị viên
Khí tùng hữu nhĩ nãi vi huyền
Huyệt nghi ai tả gia thiên (nhâm) phụ,
Dựng sinh tử (lục súc) chỉ đa điền viên.

GIẢI NGHĨA

Dương quang huyệt ở cấn viên,
Khí chung bên hữu diệu huyền tự nhiên.
Huyệt đun bên tả nhâm thiên,
Dưỡng sinh nẩy nở điền viên của nhiều.

PHÂN KIM

Kiên sửu mùi nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ)

Kiên dần thân nên dùng bính dần bính thân (thuộc hỏa)

Quí long huyệt ất có hai hướng :

Hướng thứ nhất là tọa cấn hướng khôn.

Quí long nhập thủ ở chỗ bên tả, huyệt ấy thì là tọa cấn hướng khôn, nên đun nhích sang bên hữu hợi gia tý phương nửa phần để lấy mạch đi suốt sang đinh sửu đến chính quí phương mạch suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

癸 龍 二 向

Quí long nhị hướng

第 一 坐 艮 向 坤

Đệ nhất tọa cấn hướng khôn

催 官 詩 云

催 官 三 十 向 玄 (坤) 戈
宜 挨 陰 光 (俊 美) 右 耳 過
挨 左 微 加 半 分 子
富 貴 更 見 風 流 多

PHIÊN ÂM

Thôi quan thi vân :

Thôi quan tam thập hướng huyền (khôn) qua,
Nghi ai âm quang (tuấn mỹ) hữu nhĩ qua,
Ai tả vi gia bán phân tý,
Phú quí cánh kiến phong lưu đa.

GIẢI NGHĨA

Ba mươi khôn hướng thôi quan,
Âm quan bên hữu hân hoan qua rồi,
Nửa phần tý tả biên thôi,
Phong lưu phú quí đất trời giúp cho.

PHÂN KIM

Kiêm sửu mùi nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ).
Kiến dần thân nên dùng bính dần bính thân (thuộc hỏa.

Hướng thứ hai là hướng tọa tý hướng ngọ.

Quí long nhập thủ ở chỗ bên tả, huyệt ấy thì là tọa tý hướng ngọ, nên đun nhích sang bên hữu hơi gia một chút sửu phương để lấy chính khí đinh sửu suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第 二 坐 子 向 午

Đệ nhị tọa tý hướng ngọ

陰(癸)光 穴 坎 向 炎 精
左 耳 乘 氣 不 爲 輕
穴 宜 挨 右 微 加 丑
出 人 英 俊 資 財 盛

PHIÊN ÂM

Am (quí) quang huyệt khảm hướng viêm tinh,
Tả nhĩ thừa khí bất vi khinh,
Huyệt nghi ai hữu vi gia sửu,
Xuất nhân anh tuấn tư tài thịnh.

GIẢI NGHĨA

Quí âm huyệt khảm hướng viêm tinh,
Bên tả nhâm khí khí chẳng khinh,
Bên hữu đun sang thêm ít sửu,
Nhân tài phú quí tuấn anh sinh.

PHÂN KIM

Kiêm nhâm bính nên dùng canh tý canh ngọ (thuộc thổ),
Kiến quí đinh nên dùng bính tý bính ngọ (thuộc hỏa).

Sửu long huyệt ấy có một hướng, Hướng thứ nhất là tọa nhâm hướng bính, sửu long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa nhâm hướng bính nên đun nhích sang bên hữu hơi gia cấn phương một chút để lấy chính khí tận sửu mà mạch chính đi suốt sang tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng :

丑 龍 一 向

Sửu long nhất hướng

第 一 坐 壬 向 丙

Đệ nhất tọa nhâm hướng bính

午 (丑) 金 走 向 太 微 (丙) 垣
氣 奔 左 耳 龍 脉 旋 。
陽 (艮) 樞 宜 加 穴 (粘) 右
水 乾 局 鎖 多 田 園

PHIÊN ÂM

Ngọ (sửu) kim tầu hướng thái vi (bính) viên,
Khí bôn tả nhĩ long mạch tuyền.
Dương (cấn) xu nghi gia huyệt niệm hữu,
Thủy kiền cục tỏa đa điền viên,

GIẢI NGHĨA

Ngọ kim sửu hướng thái vi viên,
Khi chạy đưa sang long mạch tuyền.
Dương cấn huyệt cần liên hữu vậy,
Kiền phương thủy ứng ruộng nhiều tiền.

PHÂN KIM

Kiêm Tỵ hợi nên dùng tân tỵ tân hợi (thuộc kim),

Kiến Tý ngọ nên dùng bính tý bính ngọ (thuộc thủy).

Cấn long huyệt ấy có tám hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa quí hướng đinh.

Cấn long nhập thú ở chỗ bên tả huyệt ất thì là tọa quí hướng đinh, nên đun sang bạch hổ gia thêm một phân dần phương để khiến mậu dần phương chính khí hợp cấn long chạy suốt sang tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng :

艮 龍 穴 八 向
Cấn long huyệt bát hướng
第 一 坐 癸 向 丁
Đệ nhất tọa quí hướng đinh

催 官 第 一 穴 宜 癸 。
天（艮）市 正 氣 在 左 耳（卯）。
穴 粘 西 獸 微 加 寅 。
書 錦 榮 花 輝 閭 里 。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ nhất huyệt nghi quí,
Thiên (cấn) thị chính khí tại tả nhĩ (mão),
Huyệt niêm tây thú vi gia dần,
Họa cầm vinh hoa huy lư lý.

GIẢI NGHĨA

Đệ nhất thôi quan huyệt quí phương,
Tả biên thiên cấn khí dương cường.
Huyệt niêm tây thú gia dần ít,
Áo gấm vinh hoa rộn rực làng.

PHÂN KIM

Kiêm Tý ngọ nên dùng canh tý canh ngọ (thuộc thổ),
Kiêm sửu mùi nên dùng đinh sửu đinh mùi (thuộc thủy).
Hướng thứ hai là hướng tọa nhâm hướng bính.

Cấn long nhập thủ ở chỗ bên ngang bên tả lại mà ra bên hữu huyệt ấy thì là tọa nhâm hướng bính, nên đun sang bên hữu lấy khí nhâm dần chính khí cấn phương suốt sang lưng bên hữu.

Thợ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第 二 坐 壬 向 丙
Đệ nhị tọa nhâm hướng bính

天（艮）市來龍太微冲，
腰腧官職旺陰陽。
相見福來禎二向。
艮丙配合相隨昌。

PHIÊN ÂM

Thiên (cấn) thị lai long thái vi xung,
Yêu du quan chức vượng âm dương,
Tương kiến phúc lai trinh nhị hướng,
Cấn bính phối hợp tương tùy xương.

GIẢI NGHĨA

Lai long thiên thị thái vi,
Âm dương hưng vượng mạch thì ở lưng.
Điềm lành phát phúc tưng bừng,
Tại hai hướng bính cấn cùng hợp nên.

PHÂN KIM

Kiêm Tỵ hợi, nên dùng tân tỵ tân hợi (thuộc Kim),
Kiêm tý ngọ, nên dùng bính tý bính ngọ (thuộc thủy),
Hướng thứ ba là hướng tọa giáp hướng canh.

Cấn long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa giáp hướng canh, nên đun nhích sang bên thanh long gia một phân sửu để lấy bính dần chính khí suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng :

第 三 坐 甲 向 庚

Đệ tam tọa giáp hướng canh

天（艮）市 迢 迢 入 陰（甲）機
氣 冲 右 耳 無 逶 迤
天（丑）廚 微 加 穴 粘 左
富 貴 文 武 品 班 隨

PHIÊN ÂM

Thiên (cấn) thị điều điều (siêu) nhập âm (giáp) cơ,
Khí xung hữu nhĩ vô uy di.
Thiên (sửu) trù vi gia huyệt niêm tả,
Phú quí văn vũ phẩm bơn tùy.

GIẢI NGHĨA

Thiên cấn xa xôi đến giáp âm,
Khí xung bên hữu lượn đi ngầm,
Thiên trù đun ít liêm bên tả,
Phú quí vinh hoa võ lại văn,

PHÂN KIM

Kiêm dần thân nên dùng canh dần canh thân (thuộc mộc)
Kiêm mão dậu nên dùng đinh mão đinh dậu (thuộc hỏa).

Hướng thứ tư là hướng tọa ất hướng tân.

Cấn long nhập thủ ở chỗ ngang bên hữu lại, ra bên tả huyệt ấy thì là tọa ất hướng tân nên đun nhích sang bên tả gia một chút sửu phương để lấy mậu dần chính khí suốt vào lưng bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第 四 坐 乙 向 辛
Đệ tứ tọa ất hướng tân

楊（艮）樞 穴 坐 天 官 星
右 腰 乘 氣 是 多 榮

Dương (cấn) xu huyệt tọa thiên (quan) tinh,
Hữu yêu thừa khí thị đa vinh.

GIẢI NGHĨA

Dương xu huyệt ở thiên quan,
Khí sang bên hữu lưng mang chỉ vì.
Nhích sang bên tả tý ti,
Để cho khí tụ được thì vinh quang.

PHÂN KIM

Kiêm mão dậu nên dùng tân mão tân dậu (thuộc mộc).

Kiến thìn tuất nên dùng bính thìn bính tuất (thuộc thổ).

Hướng thứ năm là hướng tọa mão hướng dậu.

Cấn long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa mão hướng dậu, nên đun nhích sang bên thanh long gia một phân sửu phương để lấy bính dần chính khí suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

Đệ ngũ tọa mão hướng dậu

楊（艮）樞爲龍自西兌

右耳乘氣應爲最。

穴宜挨左加（丑）厨星。

閥閱榮花世無艾

PHIÊN ÂM

Dương (cấn) khu vi long tự tây đoài,
Hữu nhĩ thừa khí ưng vi tối.
Huyệt nghi ai tả gia (sửu) trù tinh,
Phiệt duyệt vinh hoa thế vô ngải.

GIẢI NGHĨA

Dương xu long mạch tự Tây đoài,
Bên hữu giao nhau khí cũng tài.
Bên tả nhích sang gia trù sửu,
Vinh hoa phiệt duyệt mãi lâu đài.

PHÂN KIM

Kiêm giáp canh, nên dùng tân mão tân dậu (thuộc mộc),
Kiêm ất tân nên dùng đinh mão đinh dậu (thuộc hỏa),
Hướng thứ sáu là hướng tọa kiền hướng tốn.

Cấn long nhập thủ ở chỗ ngang vào bên trái, ra bên phải huyệt ấy thì là tọa kiền hướng tốn, nên đưa nhích sang bên hữu để lấy mậu dần chính khí cấn phương chạy suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第六坐乾向巽

Đệ lục tọa kiền hướng tốn

天(艮)市行龍向陽(巽)璇。
氣冲左腧通微玄。
屋潤家肥積玉金。
但恐天折又虧天。

PHIÊN ÂM

Thiên (cấn) thị hành long hướng dương (tốn) tuyền,
Khí xung tả du thông vi huyền.
Ốc nhuận gia phì tích ngọc kim,
Đản khủng thiên chiết hựu khuy thiên.

GIẢI NGHĨA

Thiên cấn hành long hướng tốn thư,
Khí xung bên tả diệu huyền như.
Phong quang nhà cửa dư tiền của,
Biết sợ trời thương khéo kẻ dư.

PHÂN KIM

Kiêm thìn tuất bên dùng canh thìn canh tuất (thuộc kim),

Kiêm tỵ hợi nên dùng đinh tỵ đinh hợi (thuộc thổ).

Hướng thứ bẩy là hướng tọa hợi hướng tỵ.

Cấn long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa hợi hướng tỵ, nên đun sang bên hữu để lấy cấn phương chính khí suốt sang lưng bên tả huyệt đây phát phú quí.

PHÂN KIM

Kiến kiền tốn nên dùng tân hợi tân tỵ thuộc kim,

Kiêm nhâm bính nên dùng đinh hợi đinh tỵ (thuộc thổ).

Hướng thứ tám là hướng tọa sửu hướng mùi.

Cấn long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa sửu

hướng mùi nên du về bên hữu gia một phân dần phương để lấy mậu dần chính khí của cấn phương suốt sang tai bên hữu.

PHÂN KIM

Kiếm qui đinh nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ),

Kiêm cấn khôn nên dùng đinh sửu đinh mùi (thuộc thủy). Dần long huyệt ấy có hai hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa cấn hướng khôn.

Dần long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa cấn hướng khôn nên đun sang bên hữu hơi gia giáp phương một chút để lấy nhâm dần chính khí suốt sang tai bên tả.

Mấy hướng này đều thiếu bài thơ thôi quan trong bản chính.

PHÂN KIM

Kiêm sửu mùi, nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ).

Kiêm dần thân, nên dùng bính dần, bính thân (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa dần hướng thân.

Dần long nhập thủ mạch lại thẳng khí chịu thẳng, làm nên dần thân phương hướng huyệt nên đun sang bên hữu gia giáp dần chính khí cốt yếu làm sao để cho long thần đặc biệt nhảy nhót huyệt tinh rất khéo, đất nước tốt đẹp thời chẳng gì là chẳng tốt.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

寅 龍 二 向

Dàn long nhị hướng

第 一 坐 艮 向 坤

Đệ nhất tọa cấn hướng khôn

第 二 坐 寅 向 申

Đệ nhị tọa dàn hướng thân

功 曹 (寅) 正 向 天 開 星

龍 脉 穎 異 穴 堪 親

砂 水 不 備 最 兇 惡

寡 母 怪 疾 多 生 嗔

PHIÊN ÂM

Công tào (dàn) chính hướng thiên khai tinh,
Long mạch dĩnh dị huyệt kham thân.
Sa thủy bất bị tối hung ác,
Quả mẫu quái tật đa sinh sân.

GIẢI NGHĨA

Công tào chính hướng đức trời nhân,
Long mạch nơi đâu lạ khó gần.
Đất nước đủ trăng sao dữ vậy,
Ốm đau góa bụa thảm thương thân.

PHÂN KIM

Kiêm cấn khôn, nên dùng canh dần canh thân (thuộc) mộc),

Kiêm giáp canh, nên dùng bính dần bính thân (thuộc) hỏa).

Giáp long huyệt ấy có hai hướng:

Hướng thứ nhất là hướng tọa cấn hướng khôn ?

Giáp long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa cấn hướng khôn nên đun sang bên hữu hơn gia dần một chút để lấy kỷ mão chính khí giáp phương mạch suốt sang tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

甲 龍 二 向

Giáp long nhị hướng

第 一 坐 艮 向 坤

Đệ nhất tọa cấn hướng khôn

陰 (甲) 機 起 伏 龍 向 冲 。

左 耳 乘 氣 福 無 窮 。

穴 宜 粘 右 微 加 寅 。

龍 奇 局 鎖 方 堪 用 。

PHIÊN ÂM

Âm (giáp) cơ khởi phục long hướng xung,

Tả nhĩ thừa khí phúc vô cùng,

Huyệt nghi niêm, hữu vi gia dần,

Long kỳ cục tỏa phương khạm dụng,

GIẢI NGHĨA

Âm cơ thăng giáng hướng long xung,
Bên tả nhân khi phúc lạ lùng.
Liên hữu huyệt nên dần ít chút,
Long phương kỳ cục hóa nên dùng.

PHÂN KIM

Kiêm sửu mùi nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ).

Kiêm dần thân nên dùng bính dần bính thân (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa tốn hướng kiền giáp long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa tốn hướng kiền, nên đun sang bên hữu để lấy tỵ mão chính khí suốt sang ta bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第二坐巽向乾

Đệ nhị tọa tốn hướng kiền

陰（甲）機穴巽向機峯。
氣從右腰室興隆。
左右不交龍失度。
鰥寡瘋跛動瘟風。

PHIÊN ÂM

Âm (giáp) cơ huyệt tốn hướng cơ phong,
Khí tòng hữu yêu thất hưng long.
Tả hữu bất giao long thất độ,
Quan quả phong ba (bi) động ổn phong.

GIẢI NGHĨA

Âm cơ huyệt tốn non cao,
Bên hữu theo lưng khí ứng vào.
Tả hữu không giao long mất độ,
Phong lao góa bụa bệnh xôn xao.

PHÂN KIM

Kiêm thìn tuất nên dùng canh thìn canh tuất (thuộc kim),
Kiêm tỵ hợi nên dùng đinh tỵ đinh hợi (thuộc thổ).
Mão long huyệt ấy có ba hướng :
Hướng thứ nhất là hướng tọa giáp hướng canh.

Mão long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy là tọa giáp hướng canh nên đun sang bạch hổ hơi gia ất phương một chút để lấy chính khí suốt sang bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng ;

卯龍三向

Mão long tam hướng

第一坐甲向庚

Đệ nhất tọa giáp hướng canh

催官第五穴坐甲。
陽（卯）衡氣從左耳發。
穴挨西獸加天官。
持節邊疆掌生殺。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ ngũ huyệt tọa giáp,
Dương (mão) hành khí tòng tả nhĩ phát.
Huyệt ai tây thú gia thiên quan,
Trì tiết biên cương chưởng sinh sát.

GIẢI NGHĨA

Thôi quan giáp huyệt thứ năm,
Dương hành bên tả mấy năm phát liền.
Huyệt đun tây thú quan thiên.
Biên cương trì tiết giữ niềm sát sinh.

PHÂN KIM

Kiêm dần thân nên dùng canh dần canh thân (thuộc mộc).

Kiêm mão dậu nên dùng đinh mão đinh dậu (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa ất hướng tân,

Mão long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa giáp hướng canh, nên đun sang bạch hổ hơi gia ất phương để lấy qui mão chính khí suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

第 二 坐 乙 向 辛

Đệ nhị tọa ất hướng tân

河 (卯) 香 東 來 穴 天 官 。
氣 貫 右 耳 尸 靈 安 。
微 加 甲 位 穴 粘 左 。
先 文 後 武 榮 官 權 。

PHIÊN ÂM

Hà (mão) hương đông lai huyệt thiên quan
Khí quán hữu nhĩ thi linh an
Vi gia giáp vị huyệt niêm tả
Tiên văn hậu võ vinh quan quyền.

GIẢI NGHĨA

Hà hướng đông đến huyệt quan thiên,
Khí quán hữu biên thể xác yên.
Liên tả hơi gia thân pháp vị,
Trước văn sau võ cũng oai quyền.

PHÂN KIM

Kiến mão dậu, nên dùng tân mão tân dậu (thuộc mộc).
Kiến thìn tuất, nên dùng bính thìn bính tuất (thuộc thổ).
Hướng thứ ba là hướng tọa quí hướng đinh.
Mão long nhập thủ ở chỗ ngang vào bên trái ra bên phải, huyệt ấy thì là tọa quí hướng đinh nên đun bên hữu để lấy quí mão chính khí suốt vào lưng bên tả, huyệt này thơ thôi quan chưa chép.

PHÂN KIM

Kiến tý ngọ nên dùng canh tý canh ngọ (thuộc thổ).
Kiến sửu mùi nên dùng đinh sửu đinh mùi (thuộc thủy).
Ất long huyệt ất có một hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa cấn hướng khôn.
Ất long nhập thủ ở chỗ ngang, vào bên trái ra bên phải huyệt ất thì là tọa cấn hướng khôn nên dính sát sang bên hữu để lấy chính khí canh thìn ất mạch suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

乙 龍 一 向

Ất long nhất hướng

第 一 坐 艮 向 坤

Đệ nhất tọa cấn hướng khôn

天 (乙) 官 坤 向 穴 天 (艮) 市 。
氣 奔 左 脇 乃 為 利 。
穴 亢 金 辰 加 粘 左
亦 主 富 貴 人 招 贅 。

PHIÊN ÂM

Thiên (ất) quan khôn hướng huyệt thiên (cấn) thị.
Khí bôn tả du nãi vi lợi,
Huyệt cang kim thìn gia niêm tả,
Diệc chủ phú quí nhân chiêu chuế.

GIẢI NGHĨA

Ất thiêng khôn hướng cấn phương,
Khí bôn bên tả mạch thường lợi thay,
Cang kim niêm tả huyệt này,
Giầu sang vinh hiển người hay rập rìu.

PHÂN KIM

Kiến sửu mùi, nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ).
Kiến dần thân nên dùng bính dần bính thân (thuộc hỏa).

Thìn long huyệt ấy có hai hướng,
Hướng thứ nhất là hướng tọa tốn hướng kiền.

Thìn long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa tốn hướng kiền, nên dun nhích sang bên tả gia một chút ất phương để lấy chính khí giá pthìn chạy suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

辰龍二向

Thìn long nhị hướng

第一坐巽向乾

Đệ nhất tọa tốn hướng kiền

亢金(辰)穴巽向楊(乾)機
氣從右耳合爲規
天(乙)官徵加穴粘左
巨富但恐無期頤

PHIÊN ÂM

Cang kim (thìn) huyệt tốn hướng dương (kiền) cơ
Khí tòng hữu nhĩ hợp vi qui
Thiên (ất) quan vi gia huyệt niêm tả
Cự phú đãn khủng vô kỳ di

GIẢI NGHĨA

Cang kim huyệt tốn hướng kiền,
Khí theo tay hữu hợp liền qui mô.
Gia niêm bên tả khí vô,
Giàu to lại sợ không cho thọ trường.

PHÂN KIM

Kiến thìn tuất, nên dùng canh thình canh tuất (thuộc kim).
Kiến tỵ hợi, nên dùng đinh tỵ đinh hợi (thuộc thổ).
Hướng thứ hai là hướng tọa cấn hướng khôn.

Thìn long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa cấn hướng khôn, nên đun nhích sang bên hữu hơi gia một chút ất phương để lấy chính khí giáp thìn vào suốt lưng bên tả.

Thơ thói quan của họ Lại nói rằng :

第 二 坐 艮 向 坤

Đệ nhị tọa cấn hướng khôn

亢（辰）金 行 龍 向 玄（坤）戈 。
左 腰 乘 氣 力 比 和 。
天（乙）官 微 加 穴 挨 左 。
龍 要 精 詳 局 開 鎖

PHIÊN ÂM

Cang kim (thìn) hành long hướng huyền (khôn) qua
Tả yêu thừa khí lực tỷ hòa
Thiên (ất) quan vi gia huyệt ai tả
Long yếu tinh tường cục khai tỏa

GIẢI NGHĨA

Hành long khôn hướng kim cang,
Nhân lưng bên tả khí sang đều hòa.
Đun sang bên tả niêm mà,
Long sao rõ rệt mới là cực hay.

PHÂN KIM

Kiêm sửu mùi nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ)

Kiêm dần thân, nên dùng bính dần bính thân (thuộc hỏa)

Tốn long huyệt ấy có ba hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa ất hướng tân.

Tốn long vào đầu ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa ất hướng tân, nên đun nhích sang bên bạch hổ gia một phần tỵ phương để lấy chính khí tân tỵ đi suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

巽龍三向

Tốn long tam hướng

第一坐乙向辛

Đệ nhất tọa ất hướng tân

催官第四穴宜乙。
陽（巽）璇左氣冲耳入。
天官（乙）借穴坐青蛇。
禁闕宸官頒夜值。

THIÊN ÂM

Thôi quan đệ tứ huyệt nghi ất,
Dương (tốn) tuyền tả khí xung nhĩ nhập.
Thiên quan (ất) tá huyệt tọa thanh xà,
Cấm khuyết thần quan ban dạ trị.

GIẢI NGHĨA

Thôi quan thứ bốn huyệt bàn,
Bên tả dương tuyền khí bốc sang.
Ất huyệt thiên quan thanh xà đó,
Ngày đêm cửa cấm giữ thần quan.

PHÂN KIM

Kiến mão dậu nên dùng tân mão tân dậu (thuộc mộc).
Kiến thìn tuất nên dùng bính thìn bính tuất (thuộc thổ).
Hướng thứ hai là hướng tọa kỵ hướng hợi.

Tốn long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa tỵ hướng hợi, nên đun nhích sang thanh long gia một phân thìn phương, để lấy tân tỵ chính khi tốn phương đi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng ;

第 二 坐 已 向 亥
Đệ nhị tọa tỵ hướng hợi

太 乙（巽）行 龍 天（已）屏 穴 。
右 耳 乘 氣 真 奇 絶 。
亢（辰）金 剎 位 勿 加 多 。
巨 富 生 人 亦 英 傑 。

PHIÊN ÂM

Thái ất (tốn) hành long thiên (tỵ) bính huyệt
Hữu nhĩ thừa khí chân kỳ tuyệt
Cang (thìn) kim xát vị vật gia đa
Cự phú sinh nhân diệc anh kiệt

GIẢI NGHĨA

Thiên tỵ hành long thái ất kinh,
Khí nhân tai hữu rất thần tình,
Cang kim sát vị gia đừng quá,
Cự phú anh minh tuấn tú sinh.

PHÂN KIM

Kiêm kiền tốn, nên dùng tân tỵ tân hợi (thuộc kim).
Kiêm bính nhâm, nên dùng đinh tỵ đinh hợi (thuộc hỏa).
Hướng thứ ba là hướng tọa khôn hướng cấn.

Tốn long đầu vào ở chỗ ngang vào bên phải ra bên trái, huyệt ất thì là tọa khôn hướng cấn nên đun sang bên tả để lấy chính khí tân tỵ suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第三坐坤向艮

Đệ tam tọa khôn hướng cấn

太乙（巽）行龍向陽（艮）樞。
左腰乘氣無差殊。
砂奇水揖龍精異。
禮詩富貴多金珠。

PHIÊN ÂM

Thái ất (tốn) hành long hướng dương (cấn) xu.
Tả yêu thừa khí vô sai phù.
Sa kỳ thủy ấp long tinh dị.
Lễ thi phú quí đa kim châu.

GIẢI NGHĨA

Thái ất hàng long cấn hướng dương
Mạch lưng tả khí tưởng bình thường.
Nước nhường đất lạ long tinh quí,
Thi lễ giầu sang ngọc có thường.

PHÂN KIM

Kiêm sửu mùi, nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ).

Kiêm dần thân, nên dùng bính thân (thuộc hỏa).

Tỵ long huyệt ấy có một hướng, hướng thứ nhất là hướng tọa tỵ hướng hợi.

Tỵ long đầu vào ở chỗ bên tả nên đun sang bên hữu, để lấy chính khí của tốn bính vào huyệt, huyệt này tọa tỵ hướng hợi cũng là huyệt chủ phát phú qui.

Thơ quan của họ Lại nói rằng :

巳 龍 一 向

Tỵ long nhất hướng

第 一 坐 巳 向 亥

Đệ nhất tọa tỵ hướng hợi

赤 蛇 頭 向 天 門 北

直 來 直 向 神 功 裂 。

巽 丙 受 穴 最 爲 良 。

富 貴 榮 花 人 英 傑 。

PHIÊN ÂM

Xích xà đầu hướng thiên môn bắc
Trực lai trực hướng thần công liệt
Tốn bính thụ huyệt tối vi lương
Phú quí vinh hoa nhân anh kiệt

GIẢI NGHĨA

Cửa trời rắn đó chầu về,
Thần công thẳng tới tứ bề oai phong
Tốn cùng với bính thành công,
Vinh hoa phú quí người thông anh tài.

PHÂN KIM

Kiêm kiền tốn nên dùng tân tỵ tân hợi (thuộc kim).

Kiêm bính nhâm nên dùng đinh tỵ đinh hợi (thuộc thổ).

Bính long huyệt ấy có bốn hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa tỵ hướng hợi.

Bính long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa tỵ hướng hợi, nên hơi đun nhích sang bên hữu để lấy chính khí bính phương suốt vào tai bên tả.

Huyệt này thơ Thôi quan chưa chép nên xét theo kết cấu cũng như trong tỵ long vậy.

PHÂN KIM

Kiêm kiền tốn, nên dùng tân tỵ tân hợi (thuộc kim).

Kiêm bính nhâm, nên dùng đinh tỵ đinh hợi (thuộc thổ).

Hướng thứ hai là hướng tọa giáp hướng canh.

Bính long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa giáp hướng canh nên hơi đun nhích sang bên hữu để lấy chính khí bính phương suốt vào tai bến tả.

Huyệt này thơ Thôi quan cũng chưa chép.

PHÂN KIM

Kiêm dần thân nên dùng canh dần canh thân (thuộc mộc).
Kiêm mão dậu nên dùng đinh mão đinh dậu (thuộc hỏa).
Hướng thứ ba là hướng tọa ất hướng tân.

Bính long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa ất hướng tân nên hơi đun sang bên hữu để lấy chính khí bính phương suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

丙龍四向

Bính long tứ hướng

第一坐巳向亥

Đệ nhất tọa tỵ hướng hợi

第三坐乙向辛

Đệ tam tọa ất hướng tân

催官第八丙龍乙

氣冲左腰英才出

太(丙)微之龍穴粘巳

左氣貫耳富而巳

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ bát bính long ất
Khí xung tả yêu anh tài xuất
Thái (bính) vi chi long huyệt niêm ty
Tả khí quán nhĩ phủ nhi dĩ

GIẢI NGHĨA

Bính long thứ tám ất thôi quan,
Tả biên khí phát giỏi giang sẵn sàng,
Thái vi long mạch niêm sang,
Khí qua bên tả giầu sang lâu dài.

PHÂN KIM

Kiêm mão dậu nên dùng tân mão tân dậu (thuộc mộc). Kiêm thìn tuất nên dùng bính thìn bính tuất (thuộc thổ).

Hướng thứ tư là hướng tọa khôn hướn cấn.

Bính long đầu vào chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa khôn hướng cấn, nên hơi đun nhích sang bên tả gia một chút ty phương để lấy chính khí bính phương suốt vào lưng bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng :

第四坐坤向艮

Đệ tứ tọa khôn hướng cấn.

太(丙)微行龍向揚(艮)樞
右腰乘氣無差殊
穴宜挨左加青(已)蛇
亦主之旺家資富。

PHIÊN ÂM

Thái (bính) vi hành long hướng dương (cấn) xu,
Hữu yêu thừa khí vô sai thù.
Huyệt nghi ai tả gia thanh (tỵ) xà,
Diệc chủ chi vượng gia tư phú.

GIẢI NGHĨA

Long thành dương cấn thái vi xu,
Bên hữu lưng theo khí tít mù,
Bên tả huyệt đun sang tỵ tị,
Phong lưu phú quí sướng lu bù.

PHÂN KIM

Kiêm sửu mùi nên dùng tân sửu tân mùi (thuộc thổ)
Kiêm dần thân nên dùng bính thân bính dần (thuộc hỏa).
Tỵ long huyệt ấy có một hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa ty hướng hợi.

Ty long đầu vào ở chỗ bên tả, huyệt ấy thì là tọa bính hướng nhâm, nên đun sang bạch hổ gia nửa phần đinh phương để lấy chính khí ngọ phương cho mạch suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng :

離 龍 二 向

Ly long nhị hướng

第 一 坐 丙 向 壬

Đệ nhất tọa bính hướng nhâm

催 官 第 十 穴 天(丙)貴 。

離 宮 左 耳 氣 從 注 。

微 加 南 亟 局 周 迴 。

砂 水 短 合 公 侯 至 。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ thập huyệt thiên (bính) quí.

Ly cung tả nhĩ khí tòng chú.

Vi gia nam cực cục chu hồi.

Sa thủy cũ hợp công hầu chí.

GIẢI NGHĨA

Thiên bính thôi quan huyệt thứ mười,
Ly cung tai tả khí theo nơi,
Gia thêm nam cực chu toàn khéo,
Hầu tước công khanh đất đãi người.

PHÂN KIM

Kiêm hợi kỷ nên dùng tân hợi tân tỵ (thuộc kim)

Kiêm tý ngọ nên dùng bính ngọ bính tý (thuộc kỷ)

Hướng thứ hai là hướng tọa đinh hướng qui

Ly long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa đinh hướng qui, nên đun sang bên thanh long gia nửa phần bính phương để lấy chính khí bính ngọ mà ly mạch suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第 二 坐 丁 向 癸

Đệ nhị tọa đinh hướng quí

離 山 岧 嶢 應 日 星
丁 穴 右 耳 乘 炎 (午) 精
微 加 天 貴 (丙) 毫 釐 位
立 見 (驟) 富 貴 官 職 榮

PHIÊN ÂM

Ly sơn thiều nghiêu ứng nhật tinh
Đinh huyệt hữu nhĩ thừa viêm (ngọ) tinh
Vi gia thiên quí (bính) hào ly vị
Lập kiến (sậu) phú quí quan chức vinh

GIẢI NGHĨA

Non ly chót vót nhật tinh
Huyệt nhân tai hữu khí sinh ngọ nồng
Hơi gia nhân quí vị chung
Giầu sang quan chức vô cùng vinh quang

PHẦN KIM

Kiêm ngọ tý nên dùng canh ngọ canh tý (thuộc thổ)

Kiêm mùi sửu nên dùng đinh mùi đinh sửu (thuộc thủy)

Đinh long huyệt ấy có hai hướng

Hướng thứ nhất là hướng tọa khôn hướng cấn

Đinh long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa khôn hướng cấn, nên đun nhích sang bên thanh xà gia một phần ngọ phương để lấy chính khí của quí mùi mà đinh mạch vào suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng :

丁龍二向

Đinh long nhị hướng

第一坐坤向艮

Đệ nhất tọa khôn hướng cấn

催官第七穴宜坤。

南(丁)極氣從右耳奔。

要使亢坤金勿貫穴。

微加天馬(午)榮家門。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ thất huyệt nghi khôn
Nam (đinh) cực khí tòng hữu nhĩ bôn
Yếu sử cang khôn kim vật quán huyệt
Vi gia thiên mã (ngọ) vinh gia môn

GIẢI NGHĨA

Thôi quan thứ bẩy huyệt đinh khôn,
Nam cực hơi theo bên hữu môn
Cốt để cang kim đừng suốt huyệt
Hơi gia thiên mã vẽ vang luôn.

PHÂN KIM

Kiêm mùi sửu nên dùng tân mùi tân sửu (thuộc thổ)
Kiêm thân dần nên dùng bính thân bính dần (thuộc hỏa)

Hướng thứ hai là hướng tọa tỵ hướng hợi

Đinh long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa tỵ hướng hợi nên đun nhích sang bạch hổ gia một phần mùi phương để lấy chính đinh mạch khí của quí mùi suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第 二 坐 已 向 亥

Đệ nhị tọa tỵ hướng hợi

南 (丁) 極 行 龍 天 (亥) 皇 向 。
氣 冲 左 耳 最 爲 上
穴 粘 西 獸 微 加 未 。
陽 (午) 權 愼 勿 毫 釐 間 。

PHIÊN ÂM

Nam (đinh) cực hành long thiên (hợi) hoàng hướng
Khí xung tả nhĩ tối vi thượng
Huyệt niêm tây thú vi gia mùi
Dương (ngọ) quyền thận vật hào ly gian

GIẢI NGHĨA

Nam cực hành long hợi hướng về,
Khí xung bên tả khéo man mê,
Huyệt niêm tây thú hơi gia vị,
Dương ngọ phân ly chớ trái nghề,

PHÂN KIM

Kiêm tốn kiền nên dùng tân hợi tân tỵ (thuộc kim)

Kiêm bính nhâm nên dùng đinh hợi đinh tỵ (thuộc thổ)

Mùi long huyệt ấy có một hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa khôn hướng cấn.

Mùi long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa khôn hướng cấn nên đun sang bên hữu hơi gia đinh mùi chính mạch suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

未 龍 一 向

Mùi long nhất hướng

第 一 坐 坤 向 艮

Đệ nhất tọa khôn hướng cấn

未 山 起 伏 龍 向 艮

天（未）常 氣 冲 右 進 穴。

挨 右 位 帶 丁 未 氣。

左 道 榮 花 人 貴 顯。

PHIÊN ÂM

Mùi sơn khởi phục long hướng cấn,
Thiên (mùi) thường khí xung hữu tiến huyệt
Ai hữu vị đới đinh mùi khí
Tả đạo vinh hoa nhân quí hiện

GIẢI NGHĨA

Non mùi khôi phục cấn long đây,
Mùi khí thường xung huyệt hữu đầy,
Bên hữu đun sang đinh mùi với,
Vinh hoa phú quí vẻ vang thay.

PHÂN KIM

Kiêm mùi sửu nên dùng tân mùi tân sửu (thuộc thổ)

Kiêm thân dần nên dùng bính thân bính dần (thuộc hỏa)

Khôn long huyệt ấy có một hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa đinh hướng quí

Khôn long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa đinh hướng quí, nên đun sang bạch hổ hơi gia nửa phần thân phương, để lấy giáp thân chính khôn mạch suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

坤 龍 一 向
Khôn long nhất hướng

第 一 坐 丁 向 癸
Đệ nhất tọa đinh hướng quí

丁 穴 迴 環 局 周 鎖 。
玄 (坤) 戈 耳 入 氣 貫 左 。
穴 挨 西 獸 微 加 申 。
坤 脉 真 奇 發 如 火 。

PHIÊN ÂM

Đinh huyệt hồi hoàn cục chu tỏa
Huyền (khôn) qua nhĩ nhập khí quán tả
Huyệt ai tây thú vi gia thân,
Khôn mạch chân kỳ phát như hỏa.

GIẢI NGHĨA

Đinh huyệt vòng quanh khóa tứ bề,
Huyền qua vào khí tả biên ghê,
Huyệt đun tây thú thân gia chút,
Khôn mạch chân kỳ phát hỏa huê.

PHÂN KIM

Kiêm ngọ tý nên dùng canh ngọ canh tý (thuộc thổ)
Kiêm mùi sửu nên dùng đinh mùi đinh sửu (thuộc thủy)

Thân long huyệt ấy có hai hướng, hướng thứ nhất là hướng tọa đinh hướng quí.

Thân long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa đinh hướng quí nên đun sang bên hữu hơi gia khôn phương để lấy mậu thân chính mạch suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

申 龍 二 向
Thân long nhị hướng

第 一 坐 丁 向 癸
Đệ nhất tọa đinh hướng quí

申 山 局 向 陽 （癸） 光 宫 。
左 耳 乘 氣 力 爲 重 。
玄 （坤） 戈 徵 加 穴 粘 右 。
龍 尊 穴 美 家 貴 豐 。

PHIÊN ÂM

Thân sơn cục hướng dương (quí) quang cung
Tả nhĩ thừa khí lực vi trùng
Huyền (khôn) qua vi gia huyệt niêm hữu
Long tôn huyệt mỹ gia quí phong

GIẢI NGHĨA

Quí dương cục hướng non thân,
Khí sang bên tả sức dần trọng thêm,
Huyền qua gia để hữu niêm,
Long tôm huyệt đẹp êm đềm giầu sang.

PHÂN KIM

Kiêm ngọ tý nên dùng canh ngọ canh tý (thuộc thổ)
Kiêm mùi sửu nên dùng đinh mùi đinh sửu (thuộc thủy)

Hướng thứ hai là hướng tọa canh hướng giáp.

Thân long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa canh hướng giáp, nên đun sang bên tả hơi gia khôn phương để lấy mậu thân chính mạch suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng ;

第 二 坐 庚 向 甲

Đệ nhị tọa canh hướng giáp

天（申）開龍坐天漢宮。
氣來右耳是正龍。
微加天（坤）越輔龍行。
水朝局鎖人財隆。

PHIÊN ÂM

Thiên (thân) khai long tọa thiên hán cung
Khí lai hữu nhĩ thị chính long
Vi gia thiên (khôn) việt phụ long hành
Thủy triều cục tỏa nhân tài long

GIẢI NGHĨA

Thiên thân long mạch hán thiên cung,
Bên hữu khí cùng phụ chính long,
Khôn việt hơi gia thêm giúp đấy,
Nước chầu của lắm được người đông.

PHÂN KIM

Kiêm thân dần nên dùng canh thân canh dần (thuộc mộc)

Kiêm dậu mão nên dùng đinh dậu đinh mão (thuộc hỏa)

Canh long huyệt ấy có hai hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa dậu hướng mão

Canh long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa dậu hướng mão, nên đun sang bên tả gia một phần thân phương để lấy kỷ dậu chính canh khí của nó suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

庚 龍 二 向

Canh long nhị hướng

第 一 坐 酉 向 卯

Đệ nhất tọa dậu hướng mão

催 官 第 六 向 東 震
天 （庚） 漢 氣 從 右 耳 進 。
微 加 申 位 多 榮 名 。
富 壓 鄉 邦 衆 欽 信 。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ lục hướng đông chấn,
Thiên (canh) hán khí tòng hữu nhĩ tiến,
Vi gia thân vị đa vinh danh,
Phú áp hương bang chúng khâm tín.

GIẢI NGHĨA

Thôi quan thứ sáu chấn đông,
Thiên canh khí tiến cộng đồng hữu biên,
Hơi già thân vị diệu huyền.
Giầu sang danh vọng đức tuyền người tin.

PHÂN KIM

Kiêm canh giáp nên dùng tân dậu tân mão (thuộc mộc)

Kiêm tân ất nên dùng đinh dậu đinh mão (thuộc hỏa)

Hướng thứ hai là hướng tọa khôn hướng cấn.

Canh long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa khôn hướng cấn nên đun nhích sang bạch hổ gia một phân dậu phương để lấy cái khí chính canh suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第 二 坐 坤 向 艮

Đệ nhị tọa khôn hướng cấn

天（庚）漢正向天（艮）市星。
氣奔左耳真奇清。
微加西兌穴挨右。
水朝局備家資盈

PHIÊN ÂM

Thiên (canh) hán chính hướng thiên (cấn) thị tinh
Khí bôn tả nhĩ chân kỳ thanh
Vi gia tây đoài huyệt ai hữu
Thủy triều cục bị gia tư doanh

GIẢI NGHĨA

Thiên canh thiên thị hướng xa,
Khí sang bên tả thật là thanh cao,
Tây đoài gia chút hữu vào,
Nước chầu gia sản dồi dào đầy kho.

PHÂN KIM

Kiêm mùi sửu nên dùng tân mùi tân sửu (thuộc thổ)
Kiêm thân dần nên dùng bính thân bính dần (thuộc hỏa)
Dậu long huyệt ấy có hai hướng
Hướng thứ nhất là hướng tọa khôn hướng cấn

Dậu long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa khôn hướng cấn nên đun sang bạch hổ gia một phân tân phương để lấy kỷ dậu chính đoài của khí nó suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng ;

酉 龍 二 向

Dậu long nhị hướng

第 一 坐 坤 向 艮

Đệ nhất tọa khôn hướng cấn

催 官 第 九 兌 山 艮 。

左 氣 冲 耳 無 多 繫 。

畧 加 天（辛）乙 貴 龍 來 。

亦 主 文 章 典 州 郡 。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ cửu đoài sơn cấn
Tả khí xung nhĩ vô đa hệ
Lược gia thiên (tân) ất quí long lai
Diệc chủ văn chương điển châu quận

GIẢI NGHĨA

Thôi quan thứ chín non đoài cấn
Tả khí xung dinh không quá bận
Thiên ất hơi gia long quí đến
Văn chương lừng lẫy chốn châu quận

PHÂN KIM

Kiêm mùi sửu nên dùng tân mùi tân sửu (thuộc thổ)

Kiêm thân dần nên dùng bính dần bính thân (thuộc hỏa)

Hướng thứ hai là hướng tọa tốn hướng kiền

Dậu long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa tốn hướng kiền nên đun sang thanh long gia một phân canh phương để lấy chính mạch đoài suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng :

第 二 坐 巽 向 乾

Đệ nhị tọa tốn hướng kiền

金（酉）鷄來泊天門啼。
氣冲右耳天（乾）廐虛。
微加天漢庚水砂（乾）。
少年一舉登科第。

PHIÊN ÂM

Kim (dậu) kê lai bạc thiên môn đề
Khí xung hữu nhị thiên (kiền) cứu hư
Vi gia thiên hán oanh thủy sa (kiền)
Thiếu niện nhất cử đăng khoa đệ

GIẢI NGHĨA

Cửa trời gà ghé gáy chơi,
Khí xung bên hữu làu trời xa xa
Chút gia thiên hán thủy sà.
Thiếu niên nhất cử đăng khoa bảng vàng.

PHÂN KIM

Kiêm thìn tuất nên dùng canh thìn canh tuất (thuộc kim)

Kiêm tỵ hợi nên dùng đinh tỵ đinh hợi (thuộc thổ)

Tân long huyệt ấy có ba hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa tốn hướng kiền.

Tân long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa tốn hướng kiền, nên đun sang thanh long hơi gia một chút dậu phương để lấy bính tân chính khí của nó suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng

進 龍 三 向

Tấn long tam hướng

第 一 坐 艮 向 乾

Đệ nhất tọa cấn hướng kiền

催 官 第 三 穴 天 〇 。
天 乙 行 龍 右 耳 受 。
挨 左 立 穴 微 加 酉 。
中 男 及 第 紆 紫 綬 。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ tam huyệt thiên cửu
Thiên ất hành long hữu nhĩ thụ
Ai tả lập huyệt vi gia dậu
Trung nam cập đệ hu tử thụ

GIẢI NGHĨA

Thôi quan thiên cửu thứ ba
Long hành thiên ất tai mà hữu niêm
Đun sang bên tả dậu kiêm
Trung nam thi đậu long huyền áo lam.

PHÂN KIM

Kiêm tuất thìn nên dùng canh tuất canh thìn (thuộc kim)
Kiêm hợi tỵ nên dùng đinh hợi đinh tỵ (thuộc thổ)
Hướng thứ hai là hướng tọa dậu hướng mão.

Tân long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa dậu hướng mão nên đun sang bạch hổ gia một phân tuất phương để lấy bính tuất chính tân của khí suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

第二坐酉向卯

Đệ nhị tọa dậu hướng mão

陰璇（辛）天西向東震
陰璇氣從左再進。
微侵裏位勿加多。
巡警小官亦英俊。

PHIÊN ÂM

Âm tuyền (tân) thiên tây hướng đông chấn,
Âm tuyền khí tòng tả nhĩ tiến,
Vi xâm lâu vị vật gia đa,
Tuần cảnh tiểu quan diệc anh tuấn.

GIẢI NGHĨA

Âm tuyền đông chấn trời tây
Âm tuyền khí cũng theo tai tả mà
Lấn sang lâu vị dần dà
Tiểu quan tuần cảnh cũng là giỏi giang

PHÂN KIM

Kiêm canh giáp nên dùng tân dậu tân mão (thuộc mộc)
Kiêm tân ất nên dùng đinh dậu đinh mão (thuộc hỏa)
Hướng thứ ba là hướng tọa khôn hướng cấn,

Tân long đầu vào ở chỗ ngang vào bên trái ra bên phải, huyệt ấy thì là tọa khôn hướng cấn nên đun sang bên hữu để lấy chính khí bính tuất suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

第 三 坐 坤 向 艮

Đệ tam tọa khôn hướng cấn

陰 辛 璇 龍 向 天 （艮） 市 垣
氣 從 左 腧 推 其 原 。
玉 堂 金 馬 無 分 到 。
儒 官 俊 雅 多 田 園 。

PHIÊN ÂM

Âm (tân) tuyền long hướng thiên (cấn) thị viên.
Khí tòng tả du xuy kỳ nguyên,
Ngọc đường kim mã vô phân đáo,
Nho quan tuấn nhã đa điền viên.

GIẢI NGHĨA

Âm tuyền long hướng chợ trời,
Khí theo bên tả bụng người tự nhiên.
Ngọc đường kim mã thiên duyên,
Quan cao nho nhã điền viện lâu dài.

PHÂN KIM

Kiêm mùi sửu nên dùng tân mùi tân sửu (thuộc thổ)

Kiêm thân dần nên dùng bính thân bính dần (thuộc hỏa)

Tuất long huyệt ấy có một hướng, hướng thứ nhất là hướng tọa tân hướng ất.

Tuất long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa tân hướng ất, nên đun nhích sang bên hữu gia chút dậu phương để lấy chính khí canh tuất suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

戌 龍 一 向

Tuất long nhất hướng

第 一 坐 辛 向 乙

Đệ nhất tọa tân hướng ất

戌 龍 迢 迢 穴 向 乙 。
鼓 盆 左 氣 奔 耳 入 。
龍 行 起 伏 又 洋 朝 。
但 富 但 恐 人 残 疾 。

PHIÊN ÂM

Tuất long điều điều huyệt hướng ất,
Cổ bồn tả khí bôn nhĩ nhập,
Long hành khởi phục hựu dương triều,
Đãn phú đãn khủng nhân tàn tật.

GIẢI NGHĨA

Long tuất vượt qua hướng ất trôi,
Cổ bồn tả khí chạy vào rồi,
Long hành vùng vẫy mông mênh nước,
Giầu có lo người khổ bệnh thôi.

PHÂN KIM

Kiêm dậu mão nên dùng tân dậu tân mão **(thuộc mộc)**

Kiêm tuất thìn nên dùng bính tuất bính thìn (thuộc thổ)

Kiền long huyệt ấy có một hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa tân hướng ất.

Kiền long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt này thì là tọa tân hướng ất, nên đun nhích sang bên hữu hơi gia một chút tuất phương để lấy chính khí phương hợi suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

乾 龍 一 向
Kiền long nhất hướng
第 一 坐 辛 向 乙
Đệ nhất tọa tân hướng ất

楊（乾）機 行 龍 宜 向 乙。
迢 迢 左 氣 從 耳 入。
穴 宜 挨 右 微 加 裏。
水 朝 局 備 家 資 富。

PHIÊN ÂM

Dương (kiền) cơ hành long nghi hướng ất,
Siêu siêu tả khí tòng nhĩ nhập,
Huyệt nghi ai hữu vi gia lâu,
Thủy triều cục bị gia tư phú.

GIẢI NGHĨA

Dương cát hành long ất đóng vai,
Vượt qua bên tả khí vào tai,
Huyệt đun sang hữu sao lâu chiếu,
Triều thủy giầu sang ý chẳng sai.

PHÂN KIM

Kiêm dậu mão nên dùng tân dậu tân mão (thuộc mộc)

Kiêm tuất thìn nên dùng bính tuất bính thìn (thuộc thổ)

Hợi long huyệt ấy có ba hướng

Hướng thứ nhất là hướng tọa nhâm hướng bính

Hợi long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa nhâm hướng bính, nên đun nhích sang thanh long hơi gia kiền phương nửa phần để lấy chính khí tân hợi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng :

玄 龍 三 向

Hợi long tam hướng

第 一 坐 壬 向 丙

Đệ nhất tọa nhâm hướng bính

催 官 第 一 天 (壬) 輔 穴 。
天 皇 (亥) 正 氣 從 右 耳 。
按 宜 挨 左 微 加 乾 。
紫 綬 金 章 在 前 列 。

PHIÊN ÂM

Thôi quan đệ nhất thiên (nhâm) phụ huyệt
Thiên hoàng (hợi) chính khí tòng hữu nhĩ
Án nghi ai tả vi gia kiền
Tử thụ kim chương tại tiền liệt

GIẢI NGHĨA

Nhâm thiên đệ nhất thôi quan,
Khí theo tai hữu thiên hoàng hợi phương,
Nhích sang bên tả kiền nường,
Cháu con giải tía huy chương cầm bào,

PHÂN KIM

Kiêm hợi tỵ nên dùng tân hợi tân tỵ (thuộc kim)
Kiêm ngọ tý nên dùng bính ngọ bính tý (thuộc thủy)

Hướng thứ hai là hướng tọa kiền hướng tốn.

Hợi long đầu vào ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa kiền hướng tốn nên đun nhích sang bạch hổ hơi gia nửa phần, nhâm phương để lấy chính khí hợi phương suốt vào tai bên tả.

Thơ thội quan của họ Lại nói rằng :

第二坐乾向巽

Đệ nhị tọa kiền hướng tốn

天皇（亥）氣射天（乾）廐星。
微挨西獸加壬行。
天廐穴始爲空吉
左氣耳（氣）受官貲榮。

PHIÊN ÂM

Thiên hoàng (hợi) khí xạ thiên (kiền) cứu tinh
Vi ai tây thú gia nhâm hành
Thiên cứu huyệt không thủy vi cát
Tả khí nhĩ (khí) thụ quan tư vinh

GIẢI NGHĨA

Thiên hoàng hợi khí cửu tinh,
Nhích sang tây thú gia đinh nhâm hành,
Lầu trời khống khoáng tốt lành,
Mạch tại bên tả quan thành vinh quang,

PHÂN KIM

Kiêm tuất thìn nên dùng canh tuất canh thìn (thuộc kim)

Kiêm hợi tỵ nên dùng đinh hợi đinh tỵ (thuộc thổ)

Hướng thứ ba là hướng tọa quí hướng đinh

Hợi long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa quí hướng đinh, nên đun nhích sang thanh long gia một phần kiền phương để lấy chính khí tận hợi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

第 三 坐 癸 向 丁 。

Đệ tam tọa quí hướng đinh

天 皇 (亥) 氣 冲 穴 北 道 。
挨 左 立 穴 爲 樞 要 。
稍 加 乾 位 細 推 詳 。
右 耳 乘 氣 兌 冲 惱

PHIÊN ÂM

Thiên hoàng (hợi) khí xung huyệt bắc đạo
Ai tả lập huyệt vi xu yếu
Sảo gia kiền vị tế suy tường
Hữu nhĩ thừa khí đoài xung não.